

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn kế toán áp dụng cho  
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia**

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH 11 ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính phủ về thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/05/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia như sau:

**I- QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này hướng dẫn kế toán hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập theo Nghị định số 122/2003/NĐ-CP ngày 22/10/2003 của Chính Phủ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán và người làm kế toán theo quy định của Luật Kế toán, Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004), Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định 19/2006/QĐ-BTC) và Thông tư này.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số tài khoản và phương pháp ghi chép một số tài khoản kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, giải thích nội dung, phương pháp lập và trình bày sổ kế toán, báo cáo tài chính có

thay đổi so với Quyết định 19/2006/QĐ-BTC cho phù hợp với hoạt động của Quỹ. Các nội dung không hướng dẫn tại Thông tư này, Quỹ thực hiện theo các quy định hiện hành và Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

## II- QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### I. Hệ thống tài khoản kế toán

#### Điều 3. Quy định áp dụng Hệ thống tài khoản kế toán

Quỹ thực hiện Hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC với những quy định sửa đổi, bổ sung trong Thông tư này, như sau:

##### 1. *Bổ sung các tài khoản:*

##### 1.1. *Bổ sung 03 tài khoản cấp 1:*

Tài khoản 432- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Tài khoản 632- Chi quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Tài khoản 633- Chi từ nguồn nhận uỷ thác

##### 1.2. *Bổ sung 06 tài khoản cấp 2:*

Tài khoản 3114- Phải thu kinh phí tài trợ

Tài khoản 3115- Các khoản phải thu hồi

Tài khoản 3313- Phải trả về nhận uỷ thác

Tài khoản 3324- Bảo hiểm thất nghiệp

Tài khoản 4315- Quỹ đầu tư phát triển

Tài khoản 5113- Thu hoạt động nghiệp vụ

##### 1.3. *Bổ sung 02 tài khoản cấp 3:*

Tài khoản 33131- Phải trả vốn nhận uỷ thác

Tài khoản 33132 - Phải trả khác

##### 1.4. *Bổ sung 01 tài khoản ngoài bảng:*

Tài khoản 003- Nợ khó đòi đã xử lý

##### 2. *Không áp dụng các tài khoản:*

##### 2.1. *Tài khoản cấp 1:*

Tài khoản 113- Tiền đang chuyển

Tài khoản 153- Công cụ, dụng cụ

Tài khoản 155- Sản phẩm, hàng hoá

Tài khoản 335- Phải trả các đối tượng khác

Tài khoản 341- Kinh phí cấp cho cấp dưới

Tài khoản 342- Thanh toán nội bộ

Tài khoản 465- Nguồn kinh phí theo đơn đặt hàng của Nhà nước

Tài khoản 635- Chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước

## **2.2. Tài khoản cấp 2:**

Tài khoản 3332- Phí, lệ phí

Tài khoản 4213- Chênh lệch thu, chi theo đơn đặt hàng của Nhà nước

Tài khoản 4314 - Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

Tài khoản 5111- Thu phí, lệ phí

Tài khoản 5112- Thu theo đơn đặt hàng của Nhà nước

Tài khoản 5211- Phí, lệ phí

## **2.3. Tài khoản ngoài bảng:**

Tài khoản 004- Khoản chi hành chính

Tài khoản 008- Dự toán chi hoạt động

## **3. Thay đổi tên gọi một số tài khoản:**

3.1. Đổi tên Tài khoản 334- “Phải trả công chức, viên chức” thành “Phải trả viên chức”;

3.2. Đổi tên Tài khoản 531- “Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh” thành “Thu hoạt động dịch vụ”;

3.3. Đổi tên Tài khoản 631- “Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh” thành “Chi hoạt động dịch vụ”.

**Điều 4.** Danh mục hệ thống tài khoản kế toán, giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép tài khoản kế toán thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này.

Trường hợp Quỹ cần bổ sung Tài khoản cấp 1, cấp 2 hoặc sửa đổi Tài khoản cấp 1, cấp 2 về tên, ký hiệu, nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đặc thù phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính trước khi thực hiện.

Quỹ có thể mở thêm Tài khoản cấp 2 và Tài khoản cấp 3 đối với những tài khoản không có quy định Tài khoản cấp 2, Tài khoản cấp 3 tại Danh mục Hệ thống tài khoản kế toán đã quy định trong Thông tư này nhằm phục vụ yêu cầu quản lý của Quỹ đồng thời thông báo cho Bộ Tài chính để theo dõi.

## **II. Hệ thống sổ kế toán:**

**Điều 5.** Sổ kế toán áp dụng cho Quỹ thực hiện theo Luật Kế toán, Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC (Phần Hệ thống Sổ Kế toán) và bổ sung, sửa đổi tại Thông tư này.

Danh mục và mẫu sổ kế toán đặc thù, giải thích nội dung và phương pháp ghi sổ kế toán đặc thù thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này).

### **Điều 6. Hình thức kế toán**

1. Quỹ có thể lựa chọn một trong hai hình thức kế toán sau đây để áp dụng:
  - Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ Cái.
  - Hình thức kế toán trên máy vi tính.
2. Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Bộ Tài chính và cơ quan quản lý về hình thức kế toán được lựa chọn.

### **III. Hệ thống báo cáo tài chính**

#### **Điều 7. Kỳ hạn lập báo cáo tài chính**

1. Báo cáo tài chính của Quỹ được lập vào cuối kỳ kế toán quý, năm;
2. Khi bị chia, tách, sáp nhập, chấm dứt hoạt động phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm quyết định chia, tách, sáp nhập, chấm dứt hoạt động.

#### **Điều 8. Kỳ hạn lập báo cáo quyết toán ngân sách**

Báo cáo quyết toán ngân sách lập theo năm tài chính là báo cáo tài chính kỳ kế toán năm sau khi đã được chỉnh lý, sửa đổi, bổ sung trong thời gian chỉnh lý quyết toán theo qui định của pháp luật.

#### **Điều 9. Thời hạn nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách**

1. Thời hạn nộp báo cáo tài chính
  - 1.1. Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý  
Quỹ nộp báo cáo tài chính cho Bộ Khoa học và công nghệ, Kho bạc đồng cấp chậm nhất 10 ngày, sau ngày kết thúc kỳ kế toán quý.
  - 1.2. Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm  
Báo cáo tài chính năm của Quỹ sau khi đã được chỉnh lý sửa đổi, bổ sung số liệu trong thời gian chỉnh lý quyết toán theo quy định của pháp luật thời hạn nộp cho cơ quan có thẩm quyền chậm nhất vào cuối ngày 01 tháng 10 năm sau.
2. Thời hạn nộp báo cáo quyết toán ngân sách năm  
Thời hạn nộp báo cáo quyết toán ngân sách năm của Quỹ do đơn vị dự toán cấp I qui định cụ thể.  
Danh mục và mẫu báo cáo tài chính đặc thù, nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính đặc thù thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 kèm theo Thông tư này.

### **III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10.** Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng từ ngày 01/01/2010.

**Điều 11.** Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phản ánh, báo cáo Bộ Tài chính nghiên cứu, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VP Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UBND, Sở Tài chính, TP trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu VT (2 bản), Vụ CĐKT &KT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Trần Xuân Hà**